

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2025
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm.
- Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Văn Phụng;
2. Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Khiêm, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 432/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 391/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐ-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Ngọc H, sinh năm 1987 (số CCCD 089187006434 cấp ngày 01/3/2022); địa chỉ: số B, tổ A, ấp H, xã C, tỉnh An Giang; địa chỉ liên lạc: số C, tổ A, ấp H, xã C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Bị đơn: Ông Phan Văn M, sinh năm 1983; địa chỉ: số B, tổ A, ấp H, xã C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc H trình bày:

Bà H và ông M do quen biết, tìm hiểu nhau và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C (nay là xã C). Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh được hai con chung tên

Phan Thị Ngọc T, sinh ngày 08/7/2006 và Phan Hoàng T1, sinh ngày 22/9/2012. Hiện tại, cháu T đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân, cháu T1 đang sống cùng với ông M.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông M không chăm sóc vợ con, có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, thường xuyên nhậu nhẹt và không còn sống chung với nhau từ thời gian đó cho đến nay.

Nhận thấy tình cảm không còn nên bà H yêu cầu ly hôn với ông M; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đối với con chung Phan Thị Ngọc T do đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân, đồng ý để ông M được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Phan Hoàng T1, bà H không cấp dưỡng nuôi dạy con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

- Bị đơn ông Phan Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 xét xử vắng mặt đối với ông M.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề xuất: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Ngọc H đối với ông Phan Văn M; ông M được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Phan Hoàng T1, sinh ngày 22/9/2012, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Võ Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phan Văn M, ông M cư trú trên địa bàn xã C, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 theo quy

định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Võ Thị Ngọc H, ông Phan Văn M đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng bà H có đơn xin vắng mặt, ông M vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định khoản 1 Điều 228, xét xử vắng mặt ông M theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà Võ Thị Ngọc H khai, bà H và ông M do quen biết, tìm hiểu nhau và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã K (nay là xã C) nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông M là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà H xác định, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chồng không quan tâm đến vợ con, thường hay nhậu cùng bạn bè và không còn sống chung với nhau từ năm 2024 cho đến nay.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, bà H và ông M bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên xảy ra cãi vã nhau, ông M không quan tâm đến vợ con và không còn sống chung từ năm 2024 đến nay. Mặc khác, ông M cũng không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà H. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà H và ông M là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông M theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà H xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Phan Thị Ngọc T, sinh ngày 08/7/2006 và Phan Hoàng T1, sinh ngày 22/9/2012. Hiện tại, cháu T đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết; đồng ý để ông M được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1.

Xét thấy, cháu T đã thành niên và bà H cũng không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết. Riêng đối với cháu T1, hiện cháu đã trên 7 tuổi và đang được ông M chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng Tòa án không ghi nhận được ý kiến của cháu, cháu sống cùng với ông M vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Mặt khác, bà H cũng đồng ý để ông M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu T1 cho ông M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, ông M không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông M không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Ngọc H.

- Về hôn nhân: Bà Võ Thị Ngọc H được ly hôn với ông Phan Văn M.

- Về con chung: Bà Võ Thị Ngọc H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đối với con chung Phan Thị Ngọc T, sinh ngày 08/7/2006 do đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân; ông Phan Văn M được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Phan Hoàng T1, sinh ngày 22/9/2012, bà Võ Thị Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Ông Phan Văn M cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Võ Thị Ngọc H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bà Võ Thị Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024584 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11) cấp ngày 09 tháng 5 năm 2025. Bà Võ Thị Ngọc H đã nộp đủ án phí.

Ông Phan Văn M không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Bà Võ Thị Ngọc H, ông Phan Văn M có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 11 (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Phòng THADS khu vực 11 (1);
- Các đương sự;
- UBND xã Chợ Mới (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Lắm